Người ký: Sở Tư pháp
Email: sotp@tayninh.gov.vn
Cơ quan: Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 08.12.2017 10:38:34 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 42 /2017/QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 07 tháng 12 năm 2017.*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định phân cấp nhiệm vụ chi, mức chi kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh khóa IX, kỳ họp thứ 5 về phân cấp nhiệm vụ chi kinh sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh tại Tờ trình số 6601/TTr-STNMT, ngày 17 tháng 11 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp nhiệm vụ chi, mức chi kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18..tháng 12 năm 2017 và thay thế Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định phân cấp nhiệm vụ chi, quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế-Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT. HĐND;
- CT, các Phó CT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP. UBND tỉnh.

60

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Văn Thắng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Phân cấp nhiệm vụ chi, mức chi kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 42 /2017/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc phân cấp nhiệm vụ chi, mức chi kinh phí sự nghiệp môi trường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

Chương II
PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI, MỨC CHI KINH PHÍ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 3. Nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường của ngân sách tỉnh

1. Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy trình kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, chương trình, đề án về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Xây dựng, thẩm định và công bố quy hoạch bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của tỉnh; thẩm định các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường được chi từ nguồn sự nghiệp môi trường, thuộc trách nhiệm của tỉnh.

3. Hoạt động của hệ thống quan trắc và phân tích môi trường do các cơ quan, đơn vị địa phương quản lý theo Quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (bao gồm vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa, hiệu chuẩn, kiểm định, thay thế thiết bị phụ trợ, công cụ, dụng cụ); xây dựng và thực hiện các chương trình quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường của tỉnh.

4. Hỗ trợ công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường của tỉnh (bao gồm kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường); xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường của tỉnh.

5. Hỗ trợ công tác quản lý chất thải, điều tra, đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường, đánh giá sức chịu tải của môi trường, thuộc nhiệm vụ của tỉnh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải, sản phẩm thải bỏ.

6. Hỗ trợ công tác xử lý ô nhiễm môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm các nội dung: điều tra khảo sát, phân tích đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường, lập kế hoạch, đề án, dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý chất thải nếu có, kiểm tra, nghiệm thu dự án), gồm:

a) Dự án xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích do tỉnh quản lý (đối với dự án có tính chất chi sự nghiệp bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường), thuộc danh mục dự án theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định 64/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2003 về việc phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích, Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2010 phê duyệt kế hoạch xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước, Quyết định số 38/2011/QĐ-TTg ngày 5 tháng 7 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2013 phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung khác của Thủ tướng Chính phủ;

b) Hỗ trợ hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý và chôn lấp chất thải sinh hoạt tại địa phương (không bao gồm hoạt động xây dựng cơ sở xử lý chất thải);

c) Dự án về bảo vệ môi trường khác theo quyết định của UBND tỉnh.

7. Hỗ trợ công tác bảo tồn đa dạng sinh học theo Thông tư liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

8. Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường (bao gồm thu thập, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin dữ liệu); thống kê môi trường, xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê môi trường địa phương; báo cáo công tác bảo vệ môi trường của tỉnh.

9. Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; hỗ trợ thiết bị, phương tiện thu gom rác thải, vệ sinh môi trường ở nơi công cộng, khu dân cư theo quyết định của UBND tỉnh; hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức tự quản

về môi trường (hợp tác xã, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội). Nội dung hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

10. Hỗ trợ duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng; hỗ trợ sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển.

11. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường (bao gồm xây dựng và phổ biến các mô hình, điển hình tiên tiến, tiêu biểu về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường, quản lý chất thải, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường theo quyết định của cấp có thẩm quyền); tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường; chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền quyết định.

12. Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường (bao gồm bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học) thuộc trách nhiệm của địa phương và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

13. Hoạt động kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án; hoạt động kiểm tra việc hoàn thành đề án bảo vệ môi trường chi tiết; kiểm tra, xác nhận hoàn thành khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, hoạt động kiểm tra việc thực hiện giấy chứng nhận, giấy phép về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, thuộc trách nhiệm của tỉnh.

14. Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

15. Vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế có tính chất chi sự nghiệp về bảo vệ môi trường.

16. Các hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của tỉnh.

Điều 4. Nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường của ngân sách cấp huyện

1. Hỗ trợ công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường của huyện (bao gồm kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường); phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường của huyện.

2. Hỗ trợ công tác thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải, sản phẩm thải bỏ.

3. Thống kê môi trường, báo cáo công tác bảo vệ môi trường của huyện.

4. Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; hỗ trợ thiết bị, phương tiện thu gom rác thải, vệ sinh môi trường ở nơi công cộng, khu dân cư theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức tự quản về môi trường (hợp tác xã, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội). Nội dung hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

5. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường (bao gồm xây dựng và phổ biến các mô hình, điển hình tiên tiến, tiêu biểu về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm

môi trường, quản lý chất thải, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường theo quyết định của cấp có thẩm quyền); tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường; chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền quyết định.

6. Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường (bao gồm bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học) thuộc trách nhiệm của huyện và theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Hoạt động xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường; xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản (bao gồm văn phòng phẩm, phô tô tài liệu, làm thêm giờ, đi lại kiểm tra thực tế nếu có).

8. Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện, thành phố (mỗi huyện, thành phố 01 hợp đồng).

9. Các hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của huyện.

Điều 5. Nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường của ngân sách cấp xã

1. Hỗ trợ công tác thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải và kiểm soát ô nhiễm môi trường của xã; hỗ trợ hoạt động quản lý, thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý chất thải trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

2. Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của xã và theo quyết định của UBND tỉnh.

3. Các hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của xã, phường, thị trấn.

Điều 6. Mức chi

1. Mức chi cụ thể thực hiện các nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường thực hiện theo định mức, đơn giá, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định (Phụ lục kèm theo) và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Riêng mức chi hỗ trợ, thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền tùy theo tính chất, quy mô của từng dự án, nhiệm vụ chi và căn cứ vào khả năng nguồn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp các nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Hướng dẫn về chuyên môn, nhiệm vụ trọng tâm hoạt động bảo vệ môi trường hằng năm của cấp tỉnh và cấp huyện; phối hợp với Sở Tài chính dựa trên cơ sở chỉ tiêu hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các

Bộ, ngành liên quan về chi sự nghiệp môi trường và tình hình thực tế của địa phương để xây dựng tổng mức chi sự nghiệp môi trường của ngân sách địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt, mức chi không thấp hơn chỉ tiêu hướng dẫn chi sự nghiệp môi trường do Bộ Tài chính thông báo.

3. Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán chi phí thực hiện các dự án, đề án, nhiệm vụ chi sự nghiệp môi trường cho các đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường cấp tỉnh (trừ những dự án, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh về chế độ quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp môi trường nhằm đảm bảo sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Cân đối bố trí kinh phí, hướng dẫn quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

Điều 9. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh

1. Phối hợp thực hiện nhiệm vụ tại Điều 3 Quy định này.

2. Hằng năm (quý III) lập dự toán chi sự nghiệp môi trường gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp chung.

Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Phối hợp thực hiện nhiệm vụ tại Điều 4 Quy định này.

2. Hằng năm (quý III) lập dự toán chi sự nghiệp môi trường gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp chung.

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Phối hợp thực hiện nhiệm vụ tại Điều 4 Quy định này.

2. Hằng năm (quý III) lập dự toán chi sự nghiệp môi trường gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp chung.

Điều 12. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường

Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường phải thực hiện các quy định của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 02/2017/TT-BTC và nội dung bản quy định này. Hằng năm, sau khi quyết toán kinh phí với cơ quan tài chính; các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường cấp huyện có trách nhiệm gửi báo cáo quyết toán kinh phí sự nghiệp môi trường về Phòng Tài nguyên Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện vào đầu quý II hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường năm trước ở cấp mình về Sở Tài nguyên và Môi trường; các cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí sự nghiệp môi

trường cấp tỉnh có trách nhiệm gửi báo cáo quyết toán kinh phí sự nghiệp môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, theo dõi, giám sát.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp và báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản mới đó./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Văn Thắng

Phụ lục

MỘT SỐ MỨC CHI KINH PHÍ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 42 /2017/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Khung, mức chi (1.000 đ)
1	**Lập nhiệm vụ, dự án:**		
1.1	Lập nhiệm vụ	nhiệm vụ	1.600
1.2	Lập dự án	dự án	2.400 - 4.000
1.3	Lập dự án có tính chất như dự án đầu tư		Áp dụng theo quy định như nguồn vốn đầu tư
2	**Họp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có)**	Buổi họp	
2.1	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	400
2.2	Thành viên, thư ký	người/buổi	240
2.3	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	120
2.4	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	bài viết	400
2.5	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	bài viết	240
3	**Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý** (tối đa không quá 5 bài viết)	bài viết	400
4	**Điều tra, khảo sát**		
4.1	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	500
4.2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin		
	- Cá nhân	phiếu	50
	- Tổ chức	phiếu	100
4.3	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài)	người/ngày công	Mức tiền công 1 người/ngày tối đa không quá 200% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)
4.4	Chi cho người dẫn đường	người/ngày	100
4.5	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	người/ngày	200
5	**Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ:**	báo cáo	
5.1	- Nhiệm vụ		4.000
5.2	- Dự án		12.000
6	**Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội**		

	đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có)		
6.1	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	560
6.2	Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có)	người/buổi	480
6.3	Ủy viên, thư ký hội đồng	người/buổi	240
6.4	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	120
6.5	Bài nhận xét của ủy viên phản biện	bài viết	400
6.6	Bài nhận xét của ủy viên hội đồng (nếu có)	bài viết	240
6.7	Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03)	bài viết	320
7	**Hội thảo khoa học (nếu có)**		
7.1	Người chủ trì	người/buổi	400
7.2	Thư ký hội thảo	người/buổi	240
7.3	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	120
7.4	Báo cáo tham luận	bài viết	280
8	**Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ**		
8.1	**Nghiệm thu nhiệm vụ:**		
	Chủ tịch hội đồng	người/buổi	320
	Thành viên, thư ký	người/buổi	160
8.2	**Nghiệm thu dự án:**		
	Chủ tịch Hội đồng		560
	Thành viên, thư ký hội đồng	người/buổi	320
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	bài viết	400
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có)	bài viết	320
	Đại biểu được mời tham dự		120
9	**Chi hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện (Ngân sách không chi BHXH, BHYT…)**	người/tháng	3.000
10	**Chi giải thưởng môi trường của tỉnh**		
10.1	Tổ chức		6.000 – 15.000
10.2	Cá nhân		4.000 – 12.000